

Post: Contact:
Air Navigation Department
119 Nguyen Son Str.,
Bo De ward,
Ha Noi, Viet Nam
Tel: +84 24 38274191
Fax: +84 24 38274194
E-mail: and@caa.gov.vn
Web: http://caa.gov.vn

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM



AIP SUP
31/26
Có hiệu lực từ
Effective from
02 JUN 2026
Được xuất bản vào
Published on
02 JUN 2026

THI CÔNG ĐƯỜNG LĂN, SÂN ĐỖ TẠI CẢNG HÀNG
KHÔNG QUỐC TẾ PHÚ QUỐC (VVPQ)

1 GIỚI THIỆU

Tập bổ sung AIP này nhằm thông báo về việc thi công đường lăn, sân đỗ tại Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc (VVPQ).

2 CHI TIẾT

2.1 Khu vực thi công

Ghi chú:

- Khu vực thi công được lắp đặt hàng rào, biển báo, đèn cảnh báo và sơn tín hiệu theo quy định.
- Tổ lái tuân thủ huấn lệnh của KSVKL.

2.1.1 Khu vực 1: Thời gian thi công đến 1659 ngày 31/7/2026

Vị trí: Từ tim đường CHC ra hai bên khoảng 75 m, cách ngưỡng đường CHC 10 về phía Tây khoảng 236.6 m.

2.1.2 Khu vực 2: Thời gian thi công đến 1659 ngày 31/7/2026

Vị trí: Từ tim đường CHC ra hai bên khoảng 45 m, cách ngưỡng đường CHC 28 về phía Đông khoảng 212.9 m.

NOTAM A1552/26 đã được phát hành để thông báo về 02 khu vực thi công trên.

2.1.3 Khu vực 1D: Thời gian thi công đến 1659 ngày 31/7/2026

- Phía Đông: Cách tim đường lăn A2 khoảng 43.5 m
- Phía Tây: Cách tim đường lăn A1 khoảng 43.5 m
- Phía Nam: Cách tim đường lăn song song S khoảng 43.5 m
- Phía Bắc: Cách vệt lăn trên sân đỗ hiện hữu khoảng 43.5 m

2.1.4 Khu vực 1F: Thời gian thi công đến 1659 ngày 08/7/2026

- Phía Đông: Tiếp giáp hàng rào an ninh
- Phía Tây: Tiếp giáp khu vực 1D
- Phía Nam: Cách tim đường lăn song song S khoảng 30.5 m
- Phía Bắc: Cách vệt lăn trên sân đỗ hiện hữu khoảng 30.5 m

2.2 Các khu vực ảnh hưởng và tạm ngừng khai thác

2.2.1 Điều chỉnh kích thước khoảng trống (CWY), khu vực an toàn cuối đường CHC (RESA), cự ly công bố: Thời gian áp dụng đến 1659 ngày 31/7/2026

- Kích thước CWY đường CHC 28: 230 x 150 (M)
- Kích thước RESA đường CHC 28: 170 x 90 (M)
- Kích thước RESA đường CHC 10: 150 x 90 (M)

NOTAM A1553/26 đã được phát hành để thông báo về nội dung này.

CONSTRUCTION OF TAXIWAYS, APRON AT PHU
QUOC INTERNATIONAL AIRPORT (VVPQ)

1 INTRODUCTION

This AIP Supplement issues notification of the construction of taxiways, apron at Phu Quoc International Airport (VVPQ).

2 DETAILS

2.1 Construction areas

Note:

- Construction areas are surrounded by fences, marker boards, warning lights, markings as specified.
- Pilot shall follow ATC instructions strictly.

2.1.1 Area 1: Construction time until 1659 on 31 JUL 2026

Position: Within 75 m on each side of RCL, 236.6 m from THR RWY 10 to the West.

2.1.2 Area 2: Construction time until 1659 on 31 JUL 2026

Position: Within 45 m on each side of RCL, 212.9 m from THR RWY 28 to the East.

NOTAM A1552/26 has been issued to announce the above two construction areas.

2.1.3 Area 1D: Construction time until 1659 on 31 JUL 2026

- Eastern: 43.5 m from CL of TWY A2
- Western: 43.5 m from CL of TWY A1
- Southern: 43.5 m from CL of parallel TWY S
- Northern: 43.5 m from taxilane on the existing apron

2.1.4 Area 1F: Construction time until 1659 on 8 JUL 2026

- Eastern: Adjacent to security fences
- Western: Adjacent to area 1D
- Southern: 30.5 m from CL of parallel TWY S
- Northern: 30.5 m from taxilane on the existing apron

2.2 Affected and temporarily closed areas

2.2.1 Adjustment of CWY, RESA dimensions, declared distances: Applicable time until 1659 on 31 JUL 2026

- CWY dimensions of RWY 28: 230 x 150 (M)
- RESA dimensions of RWY 28: 170 x 90 (M)
- RESA dimensions of RWY 10: 150 x 90 (M)

NOTAM A1553/26 has been issued to announce this information.

Ký hiệu đường CHC	Cự ly chạy đà cất cánh (M)	Cự ly có thể cất cánh (M)	Cự ly có thể dừng khẩn cấp (M)	Cự ly có thể hạ cánh (M)	Ghi chú
RWY Designator	TORA (M)	TODA (M)	ASDA (M)	LDA (M)	Remarks
1	2	3	4	5	6
10	3 000	3 140	3 000	3 000	Không NIL
28	3 000	3 230	3 000	3 000	Không NIL

2.2.2 Các khu vực tạm ngừng khai thác

- a) Đường lăn A1; Các vị trí đỗ 2, 3A; đèn lề, biển báo đường lăn A1: Đến 1659 ngày 08/7/2026.

Các NOTAM A1468/26, A1470/26, A1471/26 đã được phát hành để thông báo về nội dung này

- b) Hệ thống ILS/LOC, GP, DME đường CHC 10 và đường CHC 28: Đến 1659 ngày 31/7/2026.

Ghi chú: Sử dụng phương thức tiếp cận VOR và RNP đường CHC 10 và 28 trong quá trình tắt các thiết bị ILS/DME của đường CHC 10 và 28.

NOTAM A1555/26 đã được phát hành để thông báo về nội dung này.

- c) Các đường lăn S1, S9: Từ 1700 ngày 15/6/2026 đến 1659 ngày 31/7/2026.

2.2.2 Temporarily closed areas

- a) TWY A1; Stands 2, 3A; TWY edge lights, signboard on TWY A1: Until 1659 on 8 JUL 2026.

NOTAMs A1468/26, A1470/26, A1471/26 have been issued to announce this information.

- b) ILS/LOC, GP, DME systems RWY 10 and RWY 28: Until 1659 on 31 JUL 2026.

Note: VOR and RNP APCH procedures for RWY 10 and RWY 28 shall be used during the period when ILS/DME system RWY 10 and RWY 28 are unserviceable.

NOTAM A1555/26 has been issued to announce this information.

- c) TWYs S1, S9: From 1700 on 15 JUN 2026 to 1659 on 31 JUL 2026.

2.3 Phương án khai thác, vận hành tàu bay**2.3 Aircraft operational procedures****2.3.1 Đến 1659 ngày 15/6/2026****2.3.1 Until 1659 on 15 JUN 2026**

- a) **Phương án khai thác, vận hành tàu bay đối với từng vị trí đỗ, hạn chế khai thác**

- a) **Aircraft operational procedures for each stand, operational limitation**

- **Vị trí đỗ 2:** Tạm ngừng khai thác.
- **Vị trí đỗ 3:** Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/lưu ý khi khai thác: Chỉ sử dụng phương thức đẩy lùi tàu bay, mũi tàu bay về hướng Tây để khởi hành qua đường lăn A2/A3.
- **Vị trí đỗ 3A:** Tạm ngừng khai thác.
- **Vị trí đỗ 4:** Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/lưu ý khi khai thác: Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 4 khi không có tàu bay tại vị trí đỗ 4A.
 - + Chỉ sử dụng phương thức đẩy lùi tàu bay, mũi tàu bay về hướng Tây để khởi hành qua đường lăn A2/A3.
- **Vị trí đỗ 4A:** Sử dụng cho loại tàu bay Embraer (E195) và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.

- **Stand 2:** Temporarily closed.
- **Stand 3:** Used for aircraft up to A321 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating: Only push-back procedure is used, the nose of the aircraft face West for departure via TWY A2/A3.
- **Stand 3A:** Temporarily closed.
- **Stand 4:** Used for aircraft up to A321 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating: Only used for aircraft at stand 4 when there are no aircraft parking at stand 4A.
 - + Only push-back procedure is used, the nose of the aircraft face West for departure via TWY A2/A3.
- **Stand 4A:** Used for aircraft up to Embraer (E195) and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.

- Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành hoặc tàu bay tự lăn ra.
- Những hạn chế/lưu ý khi khai thác:
 - + Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 4A khi không có tàu bay tại vị trí đỗ 4.
 - + Chỉ được phép tự lăn ra khi không có tàu bay đỗ tại các vị trí đỗ 3; không có phương tiện, thiết bị mặt đất tập kết tại các khu vực giữa vị trí đỗ 3-4.
 - + Trang thiết bị mặt đất không được di chuyển trên đường công vụ CV3 (ở các vị trí đỗ 3, 4).
 - + Tàu bay chỉ được lăn qua đường lăn A2/A3, không được lăn qua A1 đang tạm ngưng khai thác.
- **Vị trí đỗ 5:** Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/lưu ý khi khai thác:
 - + Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 5 khi không có tàu bay tại vị trí đỗ 5A, 5B.
 - + Chỉ sử dụng phương thức đẩy lùi tàu bay, mũi tàu bay về hướng Tây để khởi hành qua đường lăn A2/A3.
- **Vị trí đỗ 5A:** Sử dụng cho loại tàu bay Embraer (E195) và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành hoặc tàu bay tự lăn ra.
 - Những hạn chế/lưu ý khi khai thác:
 - + Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 5A khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 5, 5B.
 - + Chỉ được phép tự lăn ra khi không có tàu bay đỗ tại các vị trí đỗ 3, 4; không có phương tiện, thiết bị mặt đất tập kết tại các khu vực giữa vị trí đỗ 3-4 và khu vực giữa vị trí đỗ 4-5.
 - + Trang thiết bị mặt đất không được di chuyển trên đường công vụ CV3 (ở các vị trí đỗ 3, 4).
 - + Tàu bay chỉ được lăn qua đường lăn A2/A3, không được lăn qua A1 đang tạm ngưng khai thác.
- **Vị trí đỗ 5B:** Sử dụng cho tàu bay B747-400 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/lưu ý khi khai thác:
 - + Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 5B khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 5, 6, 5A, 6A.
 - + Chỉ sử dụng phương thức đẩy lùi tàu bay, mũi tàu bay về hướng Tây để khởi hành qua đường lăn A2/A3.
- **Vị trí đỗ 6:** Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/lưu ý khi khai thác:
 - + Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 6 khi không có tàu bay tại vị trí đỗ 6A, 5B.
- For departing aircraft: Tow tractor is used for departure or aircraft self-taxi out.
- Limitation/note when operating:
 - + Only used for aircraft at stand 4A when there are no aircraft parking at stand 4.
 - + Only self-taxi out when there are no aircraft parking at stand 3; there are no vehicles or ground equipment staged in the areas between stands 3-4.
 - + Ground equipment is not permitted to operate on service road CV3 (at stands 3, 4).
 - + Aircraft shall taxi via TWY A2/A3 only, TWY A1 is temporarily closed.
- **Stand 5:** Used for aircraft up to A321 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating:
 - + Only used for aircraft at stand 5 when there are no aircraft parking at stands 5A, 5B.
 - + Only push-back procedure is used, the nose of the aircraft face West for departure via TWY A2/A3.
- **Stand 5A:** Used for aircraft up to Embraer (E195) and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure or aircraft self-taxi out.
 - Limitation/note when operating:
 - + Only used for aircraft at stand 5A when there are no aircraft parking at stands 5, 5B.
 - + Only self-taxi out when there are no aircraft parking at stands 3, 4; there are no vehicles or ground equipment staged in the areas between stands 3-4 and between stands 4-5.
 - + Ground equipment is not permitted to operate on service road CV3 (at stands 3, 4).
 - + Aircraft shall taxi via TWY A2/A3 only, TWY A1 is temporarily closed.
- **Stand 5B:** Used for aircraft up to B747-400 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating:
 - + Only used for aircraft at stand 5B when there are no aircraft parking at stands 5, 6, 5A, 6A.
 - + Only push-back procedure is used, the nose of the aircraft face West for departure via TWY A2/A3.
- **Stand 6:** Used for aircraft up to A321 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating:
 - + Only used for aircraft at stand 6 when there are no aircraft parking at stands 6A, 5B.

- + Chỉ sử dụng phương thức đẩy lùi tàu bay, mũi tàu bay về hướng Tây để khởi hành qua đường lăn A2/A3.
- **Vị trí đỗ 6A:** Sử dụng cho loại tàu bay Embraer (E195) và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành hoặc tàu bay tự lăn ra.
 - Những hạn chế/lưu ý khi khai thác:
 - + Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 6A khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 6, 5B.
 - + Chỉ được phép tự lăn ra khi không có tàu bay đỗ tại các vị trí đỗ 3, 4, 5, 5A, 5B; không có phương tiện, thiết bị mặt đất tập kết tại các khu vực giữa vị trí đỗ 3-4, khu vực giữa vị trí số 4-5 và khu vực giữa vị trí đỗ 5-6.
 - + Trang thiết bị mặt đất không được di chuyển trên đường công vụ CV3 (ở các vị trí đỗ 3, 4).
 - + Tàu bay chỉ được lăn qua đường lăn A2/A3, không được lăn qua A1 đang tạm ngưng khai thác.
- **Các vị trí đỗ 7, 8, 9, 10, 11, 13A:** Sử dụng cho loại tàu bay B747-400 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/lưu ý khi khai thác: Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 13A khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 13 và 14.
- **Các vị trí đỗ 12, 13, 14:** Sử dụng cho loại tàu bay A321 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/lưu ý khi khai thác:
 - + Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 13, 14 khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 13A.
 - + Tàu bay tại vị trí đỗ 14: Chỉ sử dụng phương thức đẩy lùi tàu bay về hướng Tây để khởi hành qua đường lăn A3.
- **Các vị trí đỗ 15, 16, 17, 18, 19:** Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Tàu bay tự lăn ra để khởi hành.
 - Những hạn chế/lưu ý khi khai thác:
 - + Tàu bay tại vị trí đỗ 15, 16, 17, 18, 19 chỉ được khởi động động cơ để tự lăn ra khi không có tàu bay hoạt động trên vệt lăn N2 tương ứng từng vị trí đỗ (do ảnh hưởng bởi luồng phòng phụt của động cơ khi tàu bay khởi hành).
 - + Khi tàu bay tại vị trí đỗ 18 khởi động động cơ để khởi hành, tàu bay khác không được lăn vào vệt lăn N1 từ vệt lăn A (do ảnh hưởng bởi luồng phòng phụt của động cơ khi tàu bay khởi hành).
 - + Tàu bay tại vị trí đỗ 19 chỉ được phép tự lăn ra vệt lăn N3 khi không có tàu bay hoạt động trên đường lăn A3.
 - + Khi có tàu bay lăn từ đường lăn A3 vào vệt lăn N2, các tàu bay vận hành từ vệt lăn A lên đường lăn A3 phải dừng chờ; không cho tàu bay lăn từ vệt lăn A vào vệt lăn N1.
- + Only push-back procedure is used, the nose of the aircraft face West for departure via TWY A2/A3.
- **Stand 6A:** Used for aircraft up to Embraer (E195) and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure or aircraft self-taxi out.
 - Limitation/note when operating:
 - + Only used for aircraft at stand 6A when there are no aircraft parking at stands 6, 5B.
 - + Only self-taxi out when there are no aircraft parking at stands 3, 4, 5, 5A, 5B; there are no vehicles or ground equipment staged in the areas between stands 3-4, between stands 4-5 and between stands 5-6.
 - + Ground equipment is not permitted to operate on service road CV3 (at stands 3, 4).
 - + Aircraft shall taxi via TWY A2/A3 only, TWY A1 is temporarily closed.
- **Stands 7, 8, 9, 10, 11, 13A:** Used for aircraft up to B747-400 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating: Only used for aircraft at stand 13A when there are no aircraft parking at stands 13 and 14.
- **Stands 12, 13, 14:** Used for aircraft up to A321 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating:
 - + Only used for aircraft at stands 13, 14 when there are no aircraft parking at stand 13A.
 - + Aircraft at stand 14: Only push-back procedure is used, the nose of the aircraft face West for departure via TWY A3.
- **Stands 15, 16, 17, 18, 19:** Used for aircraft up to A321 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Aircraft self-taxi out for departure.
 - Limitation/note when operating:
 - + Aircraft at stands 15, 16, 17, 18, 19 are only permitted to start engines for self-taxi out when there are no aircraft operating on taxilane N2 corresponding to each stand (due to jet blast during departure).
 - + When an aircraft at stand 18 starts engines for departure, other aircraft are not permitted to taxi into taxilane N1 from taxilane A (due to jet blast during departure).
 - + Aircraft at stand 19 is only permitted to self-taxi to taxilane N3 when there are no aircraft taxiing on TWY A3.
 - + When an aircraft taxiing from TWY A3 into taxilane N2, aircraft taxiing from taxilane A to TWY A3 shall hold short, and aircraft are not permitted to taxi from taxilane A into taxilane N1.

+ Khi có tàu bay lăn từ đường lăn A3 vào vệt lăn N2, người và phương tiện phải dừng chờ quan sát trước vạch dừng chờ trên đường công vụ CV7, CV9, CV10, không được di chuyển trên đường công vụ CV8. Trường hợp tàu bay từ đường lăn A3 vào vệt lăn N2 đến vị trí đỗ 18, người và phương tiện không được dừng chờ trên đường công vụ CV7.

+ Tàu bay các tại vị trí đỗ 16, 17, 18, 19 chỉ được phép tự lăn ra vệt lăn N3 khi không có người, phương tiện phục vụ mặt đất ở vị trí đỗ liền kề bên phải.

+ Người và phương tiện hoạt động trên khu vực sân đỗ 1C phải chú ý quan sát, giữ khoảng cách an toàn đối với tàu bay hoạt động trên sân đỗ theo quy định.

+ When an aircraft taxiing from TWY A3 into taxilane N2, personnel and vehicles shall hold short and observe before the holding line on service roads CV7, CV9, CV10, and are not permitted to operate on service road CV8. In the case of aircraft from TWY A3 into taxilane N2 to stand 18, personnel and vehicles shall not hold short on service road CV7.

+ Aircraft at stands 16, 17, 18, 19 are only permitted to self-taxi to taxilane N3 when there are no personnel or ground equipment at the adjacent stand on the right side.

+ Personnel and equipment operating within apron 1C should pay attention to observe and keep a safe distance from aircraft operating on apron in accordance with regulations.

b) Phương án vận hành tàu bay từ đường cất hạ cánh, đường lăn vào sân đỗ và ngược lại:

b) Aircraft operating procedures from RWY, TWYs into apron and vice versa.

<i>Vị trí đỗ tàu bay Aircraft stand</i>	<i>Phương thức vận hành tàu bay Aircraft operational procedures</i>
3	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 3 → Vị trí đỗ 3. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 3 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 3 → Stand 3. - Take-off procedure: Stand 3 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.
4	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 4 → Vị trí đỗ 4. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 4 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 4 → Stand 4. - Take-off procedure: Stand 4 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.
4A	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 4A → Vị trí đỗ 4A. - Phương thức cất cánh: + Vị trí đỗ 4A → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28, hoặc + Tàu bay tự lăn từ vị trí đỗ 4A theo vệt lăn ra vị trí đỗ 3 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 4A → Stand 4A. - Take-off procedure: + Stand 4A → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28, or + Aircraft self-taxi from stand 4A via taxilane to stand 3 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.
5	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 5 → Vị trí đỗ 5. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 5 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 5 → Stand 5. - Take-off procedure: Stand 5 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.

<i>Vị trí đỗ tàu bay</i> <i>Aircraft stand</i>	<i>Phương thức vận hành tàu bay</i> <i>Aircraft operational procedures</i>
5A	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 5A → Vị trí đỗ 5A. - Phương thức cất cánh: + Vị trí đỗ 5A → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28, hoặc + Tàu bay tự lăn từ vị trí đỗ 5A theo vệt lăn ra vị trí đỗ 3 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 5A → Stand 5A. - Take-off procedure: + Stand 5A → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28, or + Aircraft self-taxi from stand 5A via taxilane to stand 3 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.
5B	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 5B → Vị trí đỗ 5B. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 5B → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 5B → Stand 5B. - Take-off procedure: Stand 5B → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.
6	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 6 → Vị trí đỗ 6. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 6 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 6 → Stand 6. - Take-off procedure: Stand 6 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.
6A	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 6A → Vị trí đỗ 6A. - Phương thức cất cánh: + Vị trí đỗ 6A → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28, hoặc + Tàu bay tự lăn từ vị trí đỗ 6A theo vệt lăn ra vị trí đỗ 3 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 6A → Stand 6A. - Take-off procedure: + Stand 6A → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28, or + Aircraft self-taxi from stand 6A via taxilane to stand 3 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.
7	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 7 → Vị trí đỗ 7. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 7 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 7 → Stand 7. - Take-off procedure: Stand 7 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.
8	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 8 → Vị trí đỗ 8. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 8 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 8 → Stand 8. - Take-off procedure: Stand 8 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.

<i>Vị trí đỗ tàu bay</i> <i>Aircraft stand</i>	<i>Phương thức vận hành tàu bay</i> <i>Aircraft operational procedures</i>
9	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 9 → Vị trí đỗ 9. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 9 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 9 → Stand 9. - Take-off procedure: Stand 9 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.
10	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 10 → Vị trí đỗ 10. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 10 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 10 → Stand 10. - Take-off procedure: Stand 10 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.
11	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 11 → Vị trí đỗ 11. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 11 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 11 → Stand 11. - Take-off procedure: Stand 11 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.
12	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 12 → Vị trí đỗ 12. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 12 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 12 → Stand 12. - Take-off procedure: Stand 12 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.
13	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 13 → Vị trí đỗ 13. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 13 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 13 → Stand 13. - Take-off procedure: Stand 13 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.
13A	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 13A → Vị trí đỗ 13A. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 13A → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 13A → Stand 13A. - Take-off procedure: Stand 13A → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.
14	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 14 → Vị trí đỗ 14. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 14 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 14 → Stand 14. - Take-off procedure: Stand 14 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.

<i>Vị trí đỗ tàu bay</i> <i>Aircraft stand</i>	<i>Phương thức vận hành tàu bay</i> <i>Aircraft operational procedures</i>
15	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S: + → Đường lăn A3 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 15 → Vị trí đỗ 15, hoặc + → Đường lăn A2 → Vệt lăn A → Vệt lăn N1 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 15 → Vị trí đỗ 15. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 15 → Vệt lăn N3 → Đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S: + → TWY A3 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 15 → Stand 15, or + → TWY A2 → Taxilane A → Taxilane N1 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 15 → Stand 15. - Take-off procedure: Stand 15 → Taxilane N3 → TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.
16	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S: + → Đường lăn A3 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 16 → Vị trí đỗ 16, hoặc + → Đường lăn A2 → Vệt lăn A → Vệt lăn N1 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 16 → Vị trí đỗ 16. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 16 → Vệt lăn N3 → Đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S: + → TWY A3 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 16 → Stand 16, or + → TWY A2 → Taxilane A → Taxilane N1 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 16 → Stand 16. - Take-off procedure: Stand 16 → Taxilane N3 → TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.
17	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S: + → Đường lăn A3 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 17 → Vị trí đỗ 17, hoặc + → Đường lăn A2 → Vệt lăn A → Vệt lăn N1 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 17 → Vị trí đỗ 17. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 17 → Vệt lăn N3 → Đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S: + → TWY A3 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 17 → Stand 17, or + → TWY A2 → Taxilane A → Taxilane N1 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 17 → Stand 17. - Take-off procedure: Stand 17 → Taxilane N3 → TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.
18	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S: + → Đường lăn A3 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 18 → Vị trí đỗ 18, hoặc + → Đường lăn A2 → Vệt lăn A → Vệt lăn N1 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 18 → Vị trí đỗ 18. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 18 → Vệt lăn N3 → Đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S: + → TWY A3 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 18 → Stand 18, or + → TWY A2 → Taxilane A → Taxilane N1 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 18 → Stand 18. - Take-off procedure: Stand 18 → Taxilane N3 → TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.
19	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S: + → Đường lăn A3 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 19 → Vị trí đỗ 19, hoặc + → Đường lăn A2 → Vệt lăn A → Vệt lăn N1 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 19 → Vị trí đỗ 19. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 19 → Vệt lăn N3 → Đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/S9 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S: + → TWY A3 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 19 → Stand 19, or + → TWY A2 → Taxilane A → Taxilane N1 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 19 → Stand 19. - Take-off procedure: Stand 19 → Taxilane N3 → TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/S9 → RWY 10/28.

2.3.2 Từ 1700 ngày 15/6/2026 đến 1659 ngày 08/7/2026

2.3.2 From 1700 on 15 JUN 2026 to 1659 on 8 JUL 2026

a) **Phương án khai thác đối với từng vị trí đỗ:** Thực hiện theo mục 2.3.1 a trên.

a) **Operational procedures for each stand:** In accordance with item 2.3.1 a above.

b) Phương án vận hành tàu bay từ đường cất hạ cánh, đường lăn vào sân đỗ và ngược lại:

b) Aircraft operating procedures from the RWY, TWYs into apron and vice versa:

Vị trí đỗ tàu bay Aircraft stand	Phương thức vận hành tàu bay Aircraft operational procedures
3	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 3 → Vị trí đỗ 3. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 3 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 3 → Stand 3. - Take-off procedure: Stand 3 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
4	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 4 → Vị trí đỗ 4. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 4 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 4 → Stand 4. - Take-off procedure: Stand 4 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
4A	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 4A → Vị trí đỗ 4A. - Phương thức cất cánh: + Vị trí đỗ 4A → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28, hoặc + Tàu bay tự lăn từ vị trí đỗ 4A theo vệt lăn ra vị trí đỗ 3 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 4A → Stand 4A. - Take-off procedure: + Stand 4A → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28, or + Aircraft self-taxi from stand 4A via taxilane into stand 3 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
5	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 5 → Vị trí đỗ 5. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 5 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 5 → Stand 5. - Take-off procedure: Stand 5 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
5A	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 5A → Vị trí đỗ 5A. - Phương thức cất cánh: + Vị trí đỗ 5A → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28, hoặc + Tàu bay tự lăn từ vị trí đỗ 5A theo vệt lăn ra vị trí đỗ 3 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 5A → Stand 5A. - Take-off procedure: + Stand 5A → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28, or + Aircraft self-taxi from stand 5A via taxilane into stand 3 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.

<i>Vị trí đỗ tàu bay</i> <i>Aircraft stand</i>	<i>Phương thức vận hành tàu bay</i> <i>Aircraft operational procedures</i>
5B	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 5B → Vị trí đỗ 5B. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 5B → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → RWY 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 5B → Stand 5B. - Take-off procedure: Stand 5B → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
6	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 6 → Vị trí đỗ 6. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 6 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 6 → Stand 6. - Take-off procedure: Stand 6 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
6A	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 6A → Vị trí đỗ 6A. - Phương thức cất cánh: + Vị trí đỗ 6A → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28, hoặc + Tàu bay tự lăn từ vị trí đỗ 6A theo vệt lăn ra vị trí đỗ 3 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 6A → Stand 6A. - Take-off procedure: + Stand 6A → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28, or + Aircraft self-taxi from stand 6A via taxilane into stand 3 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
7	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 7 → Vị trí đỗ 7. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 7 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 7 → Stand 7. - Take-off procedure: Stand 7 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
8	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 8 → Vị trí đỗ 8. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 8 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 8 → Stand 8. - Take-off procedure: Stand 8 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
9	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 9 → Vị trí đỗ 9. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 9 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 9 → Stand 9. - Take-off procedure: Stand 9 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.

<i>Vị trí đỗ tàu bay</i> <i>Aircraft stand</i>	<i>Phương thức vận hành tàu bay</i> <i>Aircraft operational procedures</i>
10	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 10 → Vị trí đỗ 10. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 10 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 10 → Stand 10. - Take-off procedure: Stand 10 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
11	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 11 → Vị trí đỗ 11. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 11 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 11 → Stand 11. - Take-off procedure: Stand 11 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
12	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 12 → Vị trí đỗ 12. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 12 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 12 → Stand 12. - Take-off procedure: Stand 12 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
13	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 13 → Vị trí đỗ 13. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 13 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 13 → Stand 13. - Take-off procedure: Stand 13 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
13A	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 13A → Vị trí đỗ 13A. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 13A → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 13A → Stand 13A. - Take-off procedure: Stand 13A → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
14	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 14 → Vị trí đỗ 14. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 14 → Vệt lăn A → Đường lăn A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 14 → Stand 14. - Take-off procedure: Stand 14 → Taxilane A → TWY A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.

<i>Vị trí đỗ tàu bay</i> <i>Aircraft stand</i>	<i>Phương thức vận hành tàu bay</i> <i>Aircraft operational procedures</i>
15	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S: + → Đường lăn A3 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 15 → Vị trí đỗ 15, hoặc + → Đường lăn A2 → Vệt lăn A → Vệt lăn N1 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 15 → Vị trí đỗ 15. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 15 → Vệt lăn N3 → Đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S: + → TWY A3 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 15 → Stand 15, or + → TWY A2 → Taxilane A → Taxilane N1 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 15 → Stand 15. - Take-off procedure: Stand 15 → Taxilane N3 → TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
16	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S: + → Đường lăn A3 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 16 → Vị trí đỗ 16, hoặc + → Đường lăn A2 → Vệt lăn A → Vệt lăn N1 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 16 → Vị trí đỗ 16. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 16 → Vệt lăn N3 → Đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S: + → TWY A3 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 16 → Stand 16, or + → TWY A2 → Taxilane A → Taxilane N1 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 16 → Stand 16. - Take-off procedure: Stand 16 → Taxilane N3 → TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
17	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S: + → Đường lăn A3 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 17 → Vị trí đỗ 17, hoặc + → Đường lăn A2 → Vệt lăn A → Vệt lăn N1 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 17 → Vị trí đỗ 17. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 17 → Vệt lăn N3 → Đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S: + → TWY A3 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 17 → Stand 17, or + → TWY A2 → Taxilane A → Taxilane N1 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 17 → Stand 17. - Take-off procedure: Stand 17 → Taxilane N3 → TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
18	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S: + → Đường lăn A3 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 18 → Vị trí đỗ 18, hoặc + → Đường lăn A2 → Vệt lăn A → Vệt lăn N1 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 18 → Vị trí đỗ 18. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 18 → Vệt lăn N3 → Đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S: + → TWY A3 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 18 → Stand 18, or + → TWY A2 → Taxilane A → Taxilane N1 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 18 → Stand 18. - Take-off procedure: Stand 18 → Taxilane N3 → TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
19	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S: + → Đường lăn A3 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 19 → Vị trí đỗ 19, hoặc + → Đường lăn A2 → Vệt lăn A → Vệt lăn N1 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 19 → Vị trí đỗ 19. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 19 → Vệt lăn N3 → Đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S: + → TWY A3 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 19 → Stand 19, or + → TWY A2 → Taxilane A → Taxilane N1 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 19 → Stand 19. - Take-off procedure: Stand 19 → Taxilane N3 → TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.

2.3.3 Phương án khai thác, vận hành tàu bay từ 1700 ngày 08/7/2026 đến 1659 ngày 31/7/2026

2.3.3 Aircraft operational procedures from 1700 on 8 JUL 2026 to 1659 on 31 JUL 2026

a) **Phương án khai thác, vận hành tàu bay đối với từng vị trí đỗ, hạn chế khai thác**

a) **Aircraft operational procedures for each stand, operational limitation**

- **Vị trí đỗ 2:** Sử dụng cho loại tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/lưu ý khi khai thác:
 - + Chỉ sử dụng phương thức đẩy lùi tàu bay từ vị trí đỗ, mũi tàu bay quay về hướng Đông để khởi hành qua đường lăn A1.
 - + Khi có tàu bay Code E lăn qua đường lăn A1 thì người và phương tiện mặt đất phục vụ tại vị trí đỗ 2 phải đảm bảo khoảng cách an toàn với luồng phòng phụt của động cơ tàu bay.
- **Vị trí đỗ 3:** Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/lưu ý khi khai thác:
 - + Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 3 khi không có tàu bay tại vị trí đỗ 3A.
 - + Chỉ sử dụng phương thức đẩy lùi tàu bay, mũi tàu bay về hướng Đông để khởi hành qua đường lăn A1.
- **Vị trí đỗ 3A:** Sử dụng cho tàu bay B747-400 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/lưu ý khi khai thác:
 - + Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 3A khi không có tàu bay tại vị trí đỗ 3-4-4A.
 - + Chỉ sử dụng phương thức đẩy lùi tàu bay, mũi tàu bay về hướng Đông để khởi hành qua đường lăn A1.
- **Vị trí đỗ 4:** Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/ lưu ý khi khai thác: Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 4 khi không có tàu bay tại vị trí đỗ 4A.
- **Vị trí đỗ 4A:** Sử dụng cho loại tàu bay Embraer (E195) và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành hoặc tàu bay tự lăn ra.
 - Những hạn chế/lưu ý khi khai thác:
 - + Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 4A khi không có tàu bay tại vị trí đỗ 4.
 - + Chỉ được phép tự lăn ra khi không có tàu bay đỗ tại các vị trí đỗ 3, 3A; không có phương tiện, thiết bị mặt đất tập kết tại các khu vực giữa vị trí đỗ 3-4.
 - + Trang thiết bị mặt đất không được di chuyển trên đường công vụ CV3 (ở các vị trí đỗ 3, 4).
- **Vị trí đỗ 5:** Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
- **Stand 2:** Used for aircraft up to ATR72 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating:
 - + Only push-back procedure from the stand is used, the nose of the aircraft face East for departure via TWY A1.
 - + When there are aircraft Code E taxiing via TWY A1, ground equipment and personnel at stand 2 shall keep safe distance from the aircraft engine jet blast.
- **Stand 3:** Used for aircraft up to A321 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating:
 - + Only used for aircraft at stand 3 when there are no aircraft parking at stand 3A.
 - + Only push-back procedure is used, the nose of the aircraft face East for departure via TWY A1.
- **Stand 3A:** Used for aircraft up to B747-400 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating:
 - + Only used for aircraft at stand 3A when there are no aircraft parking at stands 3-4-4A.
 - + Only push-back procedure is used, the nose of the aircraft face East for departure via TWY A1.
- **Stand 4:** Used for aircraft up to A321 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating: Only used for aircraft at stand 4 when there are no aircraft parking at stand 4A.
- **Stand 4A:** Used for aircraft up to Embraer (E195) and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure or aircraft self-taxi out.
 - Limitation/note when operating:
 - + Only used for aircraft at stand 4A when there are no aircraft parking at stand 4.
 - + Only self-taxi out when there are no aircraft parking at stands 3, 3A; there are no vehicles or ground equipment staged in the areas between stands 3-4.
 - + Ground equipment is not permitted to operate on service road CV3 (at stands 3, 4).
- **Stand 5:** Used for aircraft up to A321 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.

- Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/lưu ý khi khai thác: Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 5 khi không có tàu bay tại vị trí đỗ 5A, 5B.
- **Vị trí đỗ 5A:** Sử dụng cho loại tàu bay Embraer (E195) và tương đương trở xuống.
- Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành hoặc tàu bay tự lăn ra.
 - Những hạn chế/lưu ý khi khai thác:
 - + Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí 5A khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 5, 5B.
 - + Chỉ được phép tự lăn ra khi không có tàu bay đỗ tại các vị trí đỗ 3, 3A, 4, 4A; không có phương tiện, thiết bị mặt đất tập kết tại các khu vực giữa vị trí đỗ 3-4 và khu vực giữa vị trí đỗ 4-5.
 - + Trang thiết bị mặt đất không được di chuyển trên đường công vụ CV3 (ở các vị trí đỗ 3, 4).
- **Vị trí đỗ 5B:** Sử dụng cho tàu bay B747-400 và tương đương trở xuống.
- Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/lưu ý khi khai thác: Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 5B khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 5, 6, 5A, 6A.
- **Vị trí đỗ 6:** Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống.
- Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/ lưu ý khi khai thác: Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 6 khi không có tàu bay tại vị trí đỗ 6A, 5B.
- **Vị trí đỗ 6A:** Sử dụng cho loại tàu bay Embraer (E195) và tương đương trở xuống.
- Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành hoặc tàu bay tự lăn ra.
 - Những hạn chế/lưu ý khi khai thác:
 - + Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 6A khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 6, 5B.
 - + Chỉ được phép tự lăn ra khi không có tàu bay đỗ tại các vị trí đỗ 3, 4, 5, 3A, 4A, 5A, 5B; không có phương tiện, thiết bị mặt đất tập kết tại các khu vực giữa vị trí đỗ 3-4, khu vực giữa vị trí 4-5 và khu vực giữa vị trí 5-6.
 - + Trang thiết bị mặt đất không được di chuyển trên đường công vụ CV3 (ở các vị trí đỗ 3, 4).
- **Các vị trí đỗ 7, 8, 9, 10, 11, 13A:** Sử dụng cho loại tàu bay B747-400 và tương đương trở xuống.
- Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/ lưu ý khi khai thác: Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 13A khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 13 và 14.
- **Các vị trí đỗ 12, 13, 14:** Sử dụng cho loại tàu bay A321 và tương đương trở xuống.
- Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
- For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating: Only used for aircraft at stand 5 when there are no aircraft parking at stands 5A, 5B.
- **Stand 5A:** Used for aircraft up to Embraer (E195) and equivalent.
- For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure or aircraft self-taxi out.
 - Limitation/note when operating:
 - + Only used for aircraft at stand 5A when there are no aircraft parking at stands 5, 5B.
 - + Only self-taxi out when there are no aircraft parking at stands 3, 3A, 4, 4A; there are no vehicles or ground equipment staged in the areas between stands 3-4 and between stands 4-5.
 - + Ground equipment is not permitted to operate on service road CV3 (at stands 3, 4).
- **Stand 5B:** Used for aircraft up to B747-400 and equivalent.
- For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating: Only used for aircraft at stand 5B when there are no aircraft parking at stands 5, 6, 5A, 6A.
- **Stand 6:** Used for aircraft up to A321 and equivalent
- For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating: Only used for aircraft at stand 6 when there are no aircraft parking at stands 6A, 5B.
- **Stand 6A:** Used for aircraft up to Embraer (E195) and equivalent.
- For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure aircraft or aircraft self-taxi out.
 - Limitation/note when operating:
 - + Only used for aircraft at stand 6A when there are no aircraft parking at stands 6, 5B.
 - + Only self-taxi out when there are no aircraft parking at stands 3, 4, 5, 3A, 4A, 5A, 5B; there are no vehicles or ground equipment staged in the areas between stands 3-4, between stands 4-5 and between stands 5-6.
 - + Ground equipment is not permitted to operate on service road CV3 (at stands 3, 4).
- **Stands 7, 8, 9, 10, 11, 13A:** Used for aircraft up to B747-400 and equivalent.
- For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating: Only used for aircraft at stand 13A when there are no aircraft parking at stands 13 and 14.
- **Stands 12, 13, 14:** Used for aircraft up to A321 and equivalent.
- For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.

- Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
- Những hạn chế/lưu ý khi khai thác:
 - + Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 13, 14 khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 13A.
 - + Tàu bay tại vị trí đỗ 14: Chỉ sử dụng phương thức đẩy mũi tàu bay về hướng Tây để khởi hành qua đường lăn A3.
- **Các vị trí đỗ 15, 16, 17, 18, 19:** Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Tàu bay tự lăn ra để khởi hành.
 - Những hạn chế/lưu ý khi khai thác:
 - + Tàu bay tại vị trí đỗ 15, 16, 17, 18, 19 chỉ được khởi động động cơ để tự lăn ra khi không có tàu bay hoạt động trên vệt lăn N2 tương ứng từng vị trí đỗ (do ảnh hưởng bởi luồng phòng phụt của động cơ khi tàu bay khởi hành).
 - + Khi tàu bay tại vị trí đỗ 18 khởi động động cơ để khởi hành, tàu bay khác không được lăn vào vệt lăn N1 từ vệt lăn A (do ảnh hưởng bởi luồng phòng phụt của động cơ khi tàu bay khởi hành).
 - + Tàu bay tại vị trí đỗ 19 chỉ được phép tự lăn ra vệt lăn N3 khi không có tàu bay hoạt động trên đường lăn A3.
 - + Khi có tàu bay lăn từ đường lăn A3 vào vệt lăn N2, các tàu bay vận hành từ vệt lăn A lên đường lăn A3 phải dừng chờ; không cho tàu bay lăn từ vệt lăn A vào vệt lăn N1.
 - + Khi có tàu bay lăn từ đường lăn A3 vào vệt lăn N2, người và phương tiện phải dừng chờ quan sát trước vạch dừng chờ trên đường công vụ CV7, CV9, CV10, không được di chuyển trên đường công vụ CV8.
 - + Trường hợp tàu bay từ đường lăn A3 vào vệt lăn N2 đến vị trí đỗ 18, người và phương tiện không được dừng chờ trên đường công vụ CV7.
 - + Tàu bay các tại vị trí đỗ 16, 17, 18, 19 chỉ được phép tự lăn ra vệt lăn N3 khi không có người, phương tiện phục vụ mặt đất ở vị trí đỗ liền kề bên phải.
 - + Người và phương tiện hoạt động trên khu vực sân đỗ 1C phải chú ý quan sát, giữ khoảng cách an toàn đối với tàu bay hoạt động trên sân đỗ theo quy định.
- **Stands 15, 16, 17, 18, 19:** Used for aircraft up to A321 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Aircraft self-taxi out for departure.
 - Limitation/note when operating:
 - + Aircraft at stands 15, 16, 17, 18, 19 are only permitted to start engines for self-taxi out when there are no aircraft operating on taxiway N2 corresponding to each stand (due to jet blast during departure).
 - + When an aircraft at stand 18 starts engines for departure, other aircraft are not permitted to taxi into taxiway N1 from taxiway A (due to jet blast during departure).
 - + Aircraft at stand 19 are only permitted to self-taxi to taxiway N3 when there are no aircraft taxiing on TWY A3.
 - + When an aircraft taxiing from TWY A3 into taxiway N2, aircraft taxiing from taxiway A to TWY A3 shall hold short, and aircraft are not permitted to taxi from taxiway A into taxiway N1.
 - + When an aircraft taxiing from TWY A3 into taxiway N2, personnel and vehicles shall hold short and observe before the holding line on service roads CV7, CV9, CV10, and is not permitted to operate on service road CV8.
 - + In the case of aircraft from TWY A3 into taxiway N2 to stand 18, personnel and vehicles shall not hold short on service road CV7.
 - + Aircraft at stands 16, 17, 18, 19 are only permitted to self-taxi to taxiway N3 when there are no personnel or ground equipment at the adjacent stand on the right side.
 - + Personnel and equipment operating within apron 1C should pay attention to observe and keep a safe distance from aircraft operating on apron in accordance with regulations.

b) **Phương án vận hành tàu bay từ đường cất hạ cánh, đường lăn vào sân đỗ và ngược lại:**

b) **Aircraft operating procedures from RWY, TWYs into apron and vice versa.**

Vị trí đỗ tàu bay Aircraft stand	Phương thức vận hành tàu bay Aircraft operational procedures
2	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 2 → Vị trí đỗ 2. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 2 → Vệt lăn A → Đường lăn A1 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A1/A2/A3 → Taxiway A → Taxiway into stand 2 → Stand 2. - Take-off procedure: Stand 2 → Taxiway A → TWY A1 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.

<i>Vị trí đỗ tàu bay</i> <i>Aircraft stand</i>	<i>Phương thức vận hành tàu bay</i> <i>Aircraft operational procedures</i>
3	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 3 → Vị trí đỗ 3. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 3 → Vệt lăn A → Đường lăn A1 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A1/A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 3 → Stand 3. - Take-off procedure: Stand 3 → Taxilane A → TWY A1 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
3A	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 3A → Vị trí đỗ 3A. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 3A → Vệt lăn A → Đường lăn A1 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A1/A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 3A → Stand 3A. - Take-off procedure: Stand 3A → Taxilane A → TWY A1 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
4	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 4 → Vị trí đỗ 4. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 4 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A1/A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 4 → Stand 4. - Take-off procedure: Stand 4 → Taxilane A → TWY A1/A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
4A	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 4A → Vị trí đỗ 4A. - Phương thức cất cánh: + Vị trí đỗ 4A → Vệt lăn A → Đường lăn A1/A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28, hoặc + Tàu bay tự lăn từ vị trí đỗ 4A theo vệt lăn ra vị trí đỗ 3 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A1/A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 4A → Stand 4A. - Take-off procedure: + Stand 4A → Taxilane A → TWY A1/A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28, or + Aircraft self-taxi from stand 4A via taxilane to stand 3 → Taxilane A → TWY A1/A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
5	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 5 → Vị trí đỗ 5. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 5 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A1/A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 5 → Stand 5. - Take-off procedure: Stand 5 → Taxilane A → TWY A1/A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.

<i>Vị trí đỗ tàu bay</i> <i>Aircraft stand</i>	<i>Phương thức vận hành tàu bay</i> <i>Aircraft operational procedures</i>
5A	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 5A → Vị trí đỗ 5A. - Phương thức cất cánh: + Vị trí đỗ 5A → Vệt lăn A → Đường lăn A1/A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28, hoặc + Tàu bay tự lăn từ vị trí đỗ 5A theo vệt lăn ra vị trí đỗ 3 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A1/A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 5A → Stand 5A. - Take-off procedure: + Stand 5A → Taxilane A → TWY A1/A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28, or + Aircraft self-taxi from stand 5A via taxilane to stand 3 → Taxilane A → TWY A1/A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
5B	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 5B → Vị trí đỗ 5B. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 5B → Vệt lăn A → Đường lăn A1/A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A1/A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 5B → Stand 5B. - Take-off procedure: Stand 5B → Taxilane A → TWY A1/A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
6	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 6 → Vị trí đỗ 6. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 6 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A1/A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 6 → Stand 6. - Take-off procedure: Stand 6 → Taxilane A → TWY A1/A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
6A	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 6A → Vị trí đỗ 6A. - Phương thức cất cánh: + Vị trí đỗ 6A → Vệt lăn A → Đường lăn A1/A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28, hoặc + Tàu bay tự lăn từ vị trí đỗ 6A theo vệt lăn ra vị trí đỗ 3 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A1/A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 6A → Stand 6A. - Take-off procedure: + Stand 6A → Taxilane A → TWY A1/A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28, or + Aircraft self-taxi from stand 6A via taxilane to stand 3 → Taxilane A → TWY A1/A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
7	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 7 → Vị trí đỗ 7. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 7 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A1/A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 7 → Stand 7. - Take-off procedure: Stand 7 → Taxilane A → TWY A1/A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.

<i>Vị trí đỗ tàu bay</i> <i>Aircraft stand</i>	<i>Phương thức vận hành tàu bay</i> <i>Aircraft operational procedures</i>
8	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 8 → Vị trí đỗ 8. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 8 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A1/A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 8 → Stand 8. - Take-off procedure: Stand 8 → Taxilane A → TWY A1/A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
9	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 9 → Vị trí đỗ 9. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 9 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A1/A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 9 → Stand 9. - Take-off procedure: Stand 9 → Taxilane A → TWY A1/A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
10	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 10 → Vị trí đỗ 10. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 10 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A1/A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 10 → Stand 10. - Take-off procedure: Stand 10 → Taxilane A → TWY A1/A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
11	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 11 → Vị trí đỗ 11. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 11 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A1/A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 11 → Stand 11. - Take-off procedure: Stand 11 → Taxilane A → TWY A1/A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
12	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 12 → Vị trí đỗ 12. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 12 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A1/A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 12 → Stand 12. - Take-off procedure: Stand 12 → Taxilane A → TWY A1/A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
13	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 13 → Vị trí đỗ 13. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 13 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A1/A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 13 → Stand 13. - Take-off procedure: Stand 13 → Taxilane A → TWY A1/A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
13A	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 13A → Vị trí đỗ 13A. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 13A → Vệt lăn A → Đường lăn A1/A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A1/A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 13A → Stand 13A. - Take-off procedure: Stand 13A → Taxilane A → TWY A1/A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.

<i>Vị trí đỗ tàu bay Aircraft stand</i>	<i>Phương thức vận hành tàu bay Aircraft operational procedures</i>
14	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/A2/A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 14 → Vị trí đỗ 14. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 14 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/A2/A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S → TWY A1/A2/A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 14 → Stand 14. - Take-off procedure: Stand 14 → Taxilane A → TWY A1/A2/A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
15	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S: + → Đường lăn A3 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 15 → Vị trí đỗ 15, hoặc + → Đường lăn A1/A2 → Vệt lăn A → Vệt lăn N1 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 15 → Vị trí đỗ 15. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 15 → Vệt lăn N3 → Đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S: + → TWY A3 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 15 → Stand 15, or + → TWY A1/A2 → Taxilane A → Taxilane N1 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 15 → Stand 15. - Take-off procedure: Stand 15 → Taxilane N3 → TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
16	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S: + → Đường lăn A3 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 16 → Vị trí đỗ 16, hoặc + → Đường lăn A1/A2 → Vệt lăn A → Vệt lăn N1 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 16 → Vị trí đỗ 16. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 16 → Vệt lăn N3 → Đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S: + → TWY A3 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 16 → Stand 16, or + → TWY A1/A2 → Taxilane A → Taxilane N1 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 16 → Stand 16. - Take-off procedure: Stand 16 → Taxilane N3 → TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
17	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S: + → Đường lăn A3 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 17 → Vị trí đỗ 17, hoặc + → Đường lăn A1/A2 → Vệt lăn A → Vệt lăn N1 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 17 → Vị trí đỗ 17. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 17 → Vệt lăn N3 → Đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S: + → TWY A3 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 17 → Stand 17, or + → TWY A1/A2 → Taxilane A → Taxilane N1 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 17 → Stand 17. - Take-off procedure: Stand 17 → Taxilane N3 → TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.
18	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S: + → Đường lăn A3 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 18 → Vị trí đỗ 18, hoặc + → Đường lăn A1/A2 → Vệt lăn A → Vệt lăn N1 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 18 → Vị trí đỗ 18. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 18 → Vệt lăn N3 → Đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S: + → TWY A3 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 18 → Stand 18, or + → TWY A1/A2 → Taxilane A → Taxilane N1 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 18 → Stand 18. - Take-off procedure: Stand 18 → Taxilane N3 → TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.

<i>Vị trí đỗ tàu bay</i> <i>Aircraft stand</i>	<i>Phương thức vận hành tàu bay</i> <i>Aircraft operational procedures</i>
19	- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/S4/S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/S6/S8 → Đường lăn song song S: + → Đường lăn A3 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 19 → Vị trí đỗ 19, hoặc + → Đường lăn A1/A2 → Vệt lăn A → Vệt lăn N1 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 19 → Vị trí đỗ 19. - Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 19 → Vệt lăn N3 → Đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S2/S8 → Đường CHC 10/28. - Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/S4/S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/S6/S8 → Parallel TWY S: + → TWY A3 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 19 → Stand 19, or + → TWY A1/A2 → Taxilane A → Taxilane N1 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 19 → Stand 19. - Take-off procedure: Stand 19 → Taxilane N3 → TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S2/S8 → RWY 10/28.

3 HIỆU LỰC

Tập bổ sung AIP này có hiệu lực đến 1659 ngày 31/07/2026.

4 HỦY BỎ

Tập bổ sung AIP này sẽ hủy bỏ các NOTAM A1468/26, A1470/26, A1471/26, A1552/26, A1553/26, A1555/26.

Bất kỳ thay đổi nào liên quan đến tập bổ sung AIP này sẽ được thông báo bằng NOTAM.

Tập bổ sung AIP này gồm 3 phụ đính như sau:

Sơ đồ mặt bằng thi công: Đến 1659 ngày 15/6/2026

Sơ đồ mặt bằng thi công: Từ 1700 ngày 15/6/2026 đến 1659 ngày 08/7/2026

Sơ đồ mặt bằng thi công: Từ 1700 ngày 08/7/2026 đến 1659 ngày 31/7/2026

- HẾT -

3 EFFECT

This AIP Supplement becomes effective until 1659 on 31 JUL 2026.

4 CANCELLATION

This AIP Supplement shall supersede: NOTAMs A1468/26, A1470/26, A1471/26, A1552/26, A1553/26, A1555/26.

Any change relating to this AIP Supplement shall be notified by NOTAM.

This AIP Supplement consists of 3 attachment as follows:

Layout of construction areas: Until 1659 on 15 JUN 2026

Layout of construction areas: From 1700 on 15 JUN 2026 to 1659 on 08 JUL 2026

Layout of construction areas: From 1700 on 08 JUL 2026 to 1659 on 31 JUL 2026

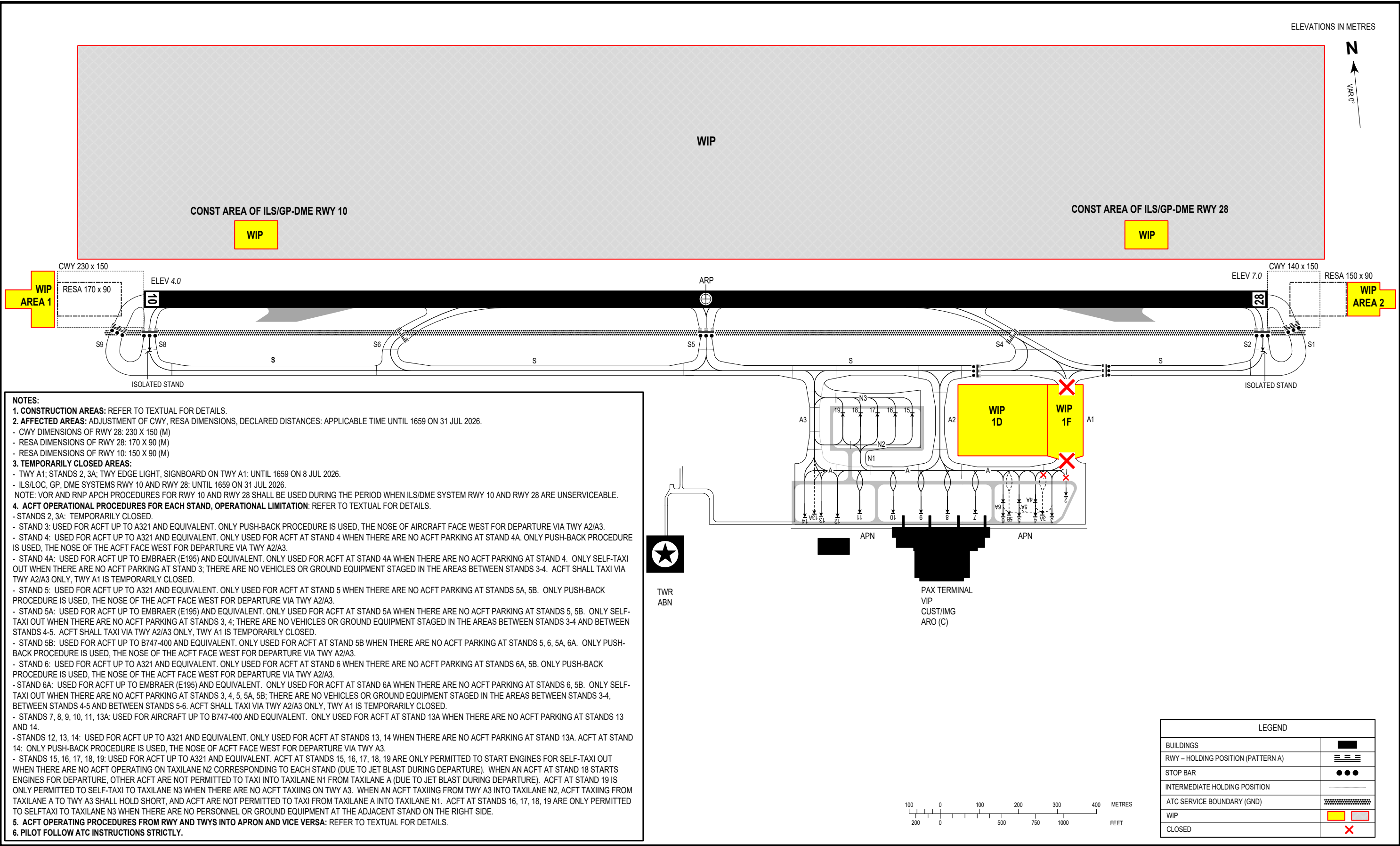
- END -

LAYOUT OF AERODROME GROUND MOVEMENT CHART DURING CONSTRUCTION AREAS
UNTIL 1659 ON 15 JUN 2026

APRON ELEV
10 M

TWR:	118.6	PRI
	118.725	SRV
GROUND :	121.925	PRI
	121.625	SRV
	121.5	EMERG

AN GIANG/PHU QUOC INTL (VVPQ)



A3

N3

19

18

17

16

15

N2

N1

A

A

A

A

14

13

12

11

10

9

8

7

6

5

4

3

2

1

APN

APN

WIP 1D

WIP 1F

A2

A1

TWR

ABN

PAX TERMINAL

VIP

CUST/IMG

ARO (C)

100

0

100

200

300

400

METRES

200

0

500

750

1000

FEET

LEGEND

BUILDINGS

RWY – HOLDING POSITION (PATTERN A)

STOP BAR

INTERMEDIATE HOLDING POSITION

ATC SERVICE BOUNDARY (GND)

WIP

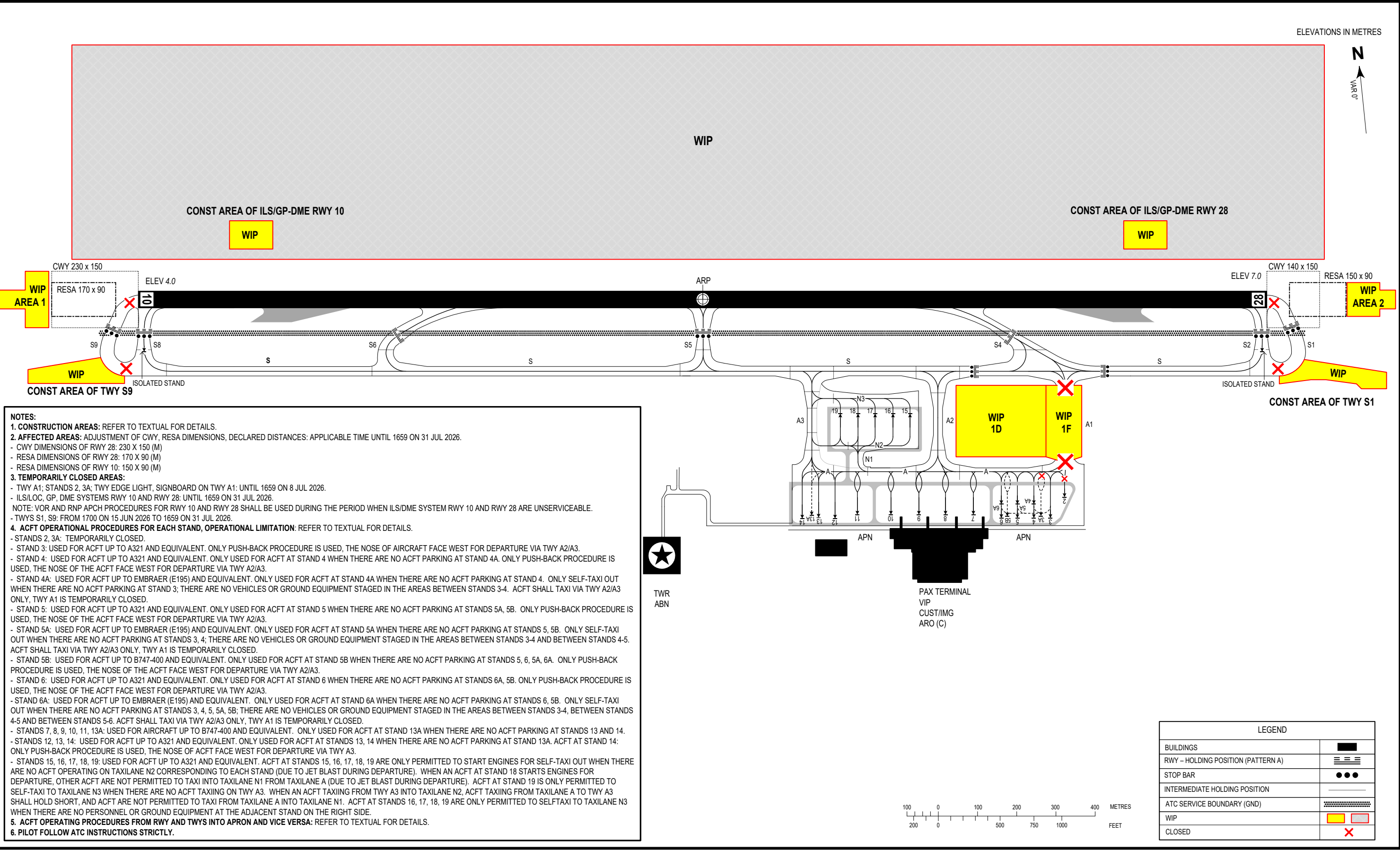
CLOSED

LAYOUT OF AERODROME GROUND MOVEMENT CHART DURING CONSTRUCTION AREAS
FROM 1700 ON 15 JUN 2026 TO 1659 ON 8 JUL 2026

APRON ELEV
10 M

TWR:	118.6	PRI
	118.725	SRY
GROUND :	121.925	PRI
	121.625	SRY
	121.5	EMERG

AN GIANG/PHU QUOC INTL (VVPQ)



LAYOUT OF AERODROME GROUND MOVEMENT CHART DURING CONSTRUCTION AREAS
FROM 1700 ON 8 JUL 2026 TO 1659 ON 31 JUL 2026

APRON ELEV
10 M

TWR:	118.6	PRI
	118.725	SRY
GROUND :	121.925	PRI
	121.625	SRY
	121.5	EMERG

AN GIANG/PHU QUOC INTL (VVPQ)

